
(Đề thi có 4 trang)

Họ và tên:

Số báo danh:

Mã đề 1201

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu thí sinh chỉ lựa chọn một phương án.

Câu 1. Diện tích S của hình phẳng giới hạn bởi đồ thị hàm số $y = x^2$, trục hoành Ox , các đường thẳng $x = 1$, $x = 2$ là

- A. $S = 7$. B. $S = 8$. C. $S = \frac{7}{3}$. D. $S = \frac{8}{3}$.

Câu 2. Trong không gian $Oxyz$, cho mặt cầu $(S): (x-2)^2 + (y+1)^2 + (z-3)^2 = 4$. Tâm của (S) có tọa độ là

- A. $(2; -1; 3)$. B. $(-4; 2; -6)$. C. $(-2; 1; -3)$. D. $(4; -2; 6)$.

Câu 3. Véc tơ pháp tuyến của mặt phẳng $(P): 2x - y + 3z + 5 = 0$

- A. $\vec{n} = (2; -1; 5)$. B. $\vec{n} = (-2; 1; 3)$. C. $\vec{n} = (2; -1; 3)$. D. $\vec{n} = (2; 1; 3)$.

Câu 4. Cho đường thẳng $d: \frac{x-1}{2} = \frac{y+1}{-1} = \frac{z-3}{2}$. Đường thẳng nào sau đây song song với d ?

- A. $\Delta: \frac{x+1}{-2} = \frac{y}{1} = \frac{z-1}{-2}$. B. $\Delta: \frac{x-2}{2} = \frac{y}{1} = \frac{z-1}{-2}$.
C. $\Delta: \frac{x-2}{-2} = \frac{y}{1} = \frac{z-1}{-2}$. D. $\Delta: \frac{x-3}{-2} = \frac{y+2}{1} = \frac{z-5}{-2}$.

Câu 5. Một công ty may có hai chi nhánh cùng sản xuất một loại áo, trong đó có 56% áo ở chi nhánh I và 44% áo ở chi nhánh II. Tại chi nhánh I có 75% áo chất lượng cao và tại chi nhánh II có 68% áo chất lượng cao (kích thước và hình dáng bề ngoài của các áo là như nhau). Chọn ngẫu nhiên 1 áo. Xác suất chọn được áo chất lượng cao là (làm tròn đến chữ số thập phân thứ hai)

- A. 0,82. B. 0,55. C. 0,35. D. 0,72.

Câu 6. Nguyên hàm của hàm số $f(x) = 2x + \sin x$ là

- A. $-\cos x + x^2 + C$. B. $-\cos x + 2x^2 + C$. C. $2x^2 + \cos x + C$. D. $\cos x + x^2 + C$.

Câu 7. Trong không gian $Oxyz$, cho mặt phẳng (P) phương trình có $(P): x - 3y - 2z - 1 = 0$. Mặt phẳng nào có phương trình dưới đây song song với mặt phẳng (P)

- A. $(P): x + 3y - 2z - 13 = 0$. B. $(P): 2x - 6y - 4z - 1 = 0$.
C. $(P): x + 3y - 2z + 13 = 0$. D. $(P): 3x - 9y - 6z - 3 = 0$.

Câu 8. Kí hiệu (H) là hình phẳng giới hạn bởi đồ thị hàm số $y = 2x - x^2$ và $y = 0$. Tính thể tích vật thể tròn xoay được sinh ra bởi hình phẳng (H) khi nó quay quanh trục Ox .

- A. $\frac{19\pi}{15}$. B. $\frac{17\pi}{15}$. C. $\frac{16\pi}{15}$. D. $\frac{18\pi}{15}$.

Câu 9. Cho hai biến cố A và B có $P(A) = 0,3; P(B) = 0,6; P(AB) = 0,2$. Xác suất $P(A|B)$ là

- A. $\frac{1}{3}$. B. $\frac{2}{3}$. C. $\frac{1}{2}$. D. $\frac{1}{6}$.

Câu 10. Trong không gian $Oxyz$, tính góc giữa hai đường thẳng $d_1: \frac{x}{1} = \frac{y+1}{-1} = \frac{z-1}{2}$ và

$$d_2: \frac{x+1}{-1} = \frac{y}{1} = \frac{z-3}{1}$$

A. 30° .

B. 45° .

C. 60° .

D. 90° .

Câu 11. Trong không gian với hệ tọa độ $Oxyz$, cho đường thẳng $d: \begin{cases} x = 6 + 5t \\ y = 2 + t \\ z = 1 \end{cases}$ và mặt phẳng

$(P): 3x - 2y + 1 = 0$. Tính góc hợp bởi đường thẳng d và mặt phẳng (P) .

A. 90° .

B. 30° .

C. 45° .

D. 60° .

Câu 12. Cho $\int_1^2 f(x) dx = 3$ và $\int_1^2 g(x) dx = -1$, khi đó $\int_1^2 [f(x) - g(x)] dx$ bằng

A. 2.

B. -2.

C. -4.

D. 4.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Trong không gian với hệ tọa độ $Oxyz$, cho $M(1; -3; 4)$, đường thẳng $d: \frac{x}{1} = \frac{y}{-1} = \frac{z-1}{2}$ và mặt phẳng $(P): x + 2y - 2z + 2 = 0$.

a) Điểm M thuộc đường thẳng d .

b) Véc tơ pháp tuyến của mặt phẳng (P) là $\vec{n} = (1; 2; -2)$.

c) Giao điểm của đường thẳng d và mặt phẳng (P) là $A(0; 0; 1)$

d) Đường thẳng Δ đi qua M và vuông góc với (P) có phương trình tham số là $\begin{cases} x = 1 + t \\ y = 2 - 3t \\ z = 2 + 4t \end{cases}$

Câu 2. Trong không gian với hệ tọa độ $Oxyz$ (đơn vị trên mỗi trục là met), một thiết bị phát sóng wifi được đặt ở vị trí $I(-1; 0; 3)$ với bán kính phủ sóng là $R = 34\text{m}$.



a) Chiếc điện thoại (có kết nối wifi) được đặt ở điểm $N(-17; 18; 27)$ thì không thể nhận được sóng wifi.

b) Điểm $M(29; 40; 3)$ nằm trong vùng phủ sóng của thiết bị phát sóng wifi.

c) Phương trình mặt cầu mô tả ranh giới bên ngoài vùng phủ sóng của thiết bị phát sóng wifi là: $x^2 + y^2 + z^2 + 2x - 6z - 1146 = 0$.

d) Nếu người dùng đứng ở vị trí điểm $P(14; 30; -7)$ thì quãng đường ngắn nhất mà người đó phải di chuyển để đến được vị trí có thể sử dụng wifi là 1m .

Câu 3. Cho parabol $(P): y = x^2$. Xét tính đúng sai của các khẳng định sau:

- a) Diện tích hình phẳng giới hạn bởi đồ thị (P) , đường thẳng $d: y = 3x - 2$ bằng 4.
- b) Thể tích của khối tròn xoay sinh ra bởi phép quay quanh trục hoành của hình phẳng giới hạn bởi đồ thị (P) , đường thẳng $y = 0$ và 2 đường thẳng $x = 0, x = 2$ bằng 3.
- c) Ta có $\int_0^1 x^2 dx = \frac{1}{3}$.
- d) Cho parabol $(P): y = x^2$ và hai điểm A, B thuộc (P) sao cho $AB = 2$. Diện tích lớn nhất của hình phẳng giới hạn bởi (P) và đường thẳng AB là $\frac{4}{3}$.

Câu 4. Một căn bệnh có 2% dân số mắc phải. Một phương pháp chẩn đoán được phát triển có tỷ lệ chính xác là 99%. Với những người bị bệnh, phương pháp này sẽ đưa ra kết quả dương tính 99% số trường hợp. Với người không mắc bệnh, phương pháp này cũng chẩn đoán đúng 97%. Lấy một người đi kiểm tra. Xét tính đúng sai của các khẳng định sau:

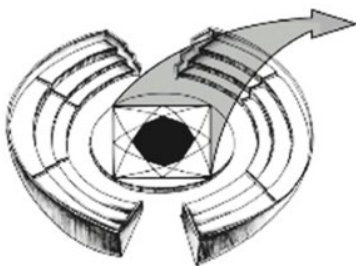
- a) Xác suất để người đó mắc bệnh khi chưa kiểm tra là 0,02.
- b) Biết rằng đã có kết quả chẩn đoán là dương tính, xác suất để người đó thực sự bị bệnh là 0,25
- c) Xác suất kết quả dương tính nếu người đó mắc bệnh là: 0,99.
- d) Xác suất kết quả dương tính nếu người đó không mắc bệnh là: 0,01.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

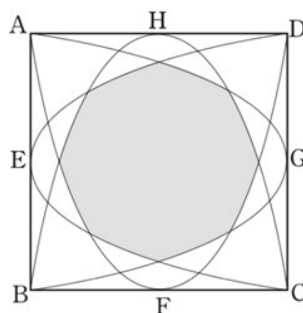
Câu 1. Trong không gian với hệ tọa độ $Oxyz$, cho mặt phẳng $(P): 2x + 2y - z - 1 = 0$. Phương trình mặt phẳng (Q) song song với (P) và đi qua điểm $M(-1; -1; 4)$ có dạng $ax + by - z + d = 0$. Tính $T = a + b - d$.

Câu 2. Một căn bệnh X có 1% dân số mắc phải. Một phương pháp chẩn đoán được phát triển có tỷ lệ chính xác là 99%. Với những người bị bệnh X, phương pháp này sẽ đưa ra kết quả dương tính 99% số trường hợp. Với người không mắc bệnh, phương pháp này cũng chẩn đoán đúng 99 trong 100 trường hợp. Nếu một người kiểm tra và kết quả là dương tính, xác suất để người đó thực sự bị bệnh là bao nhiêu?

Câu 3. Hình 1 là một tác phẩm dự thi của nhà thiết kế sân khấu trong một cuộc thi thiết kế sân khấu ngoài trời tổ chức tại một quảng trường. Khi mở rộng sân khấu trung tâm, ta được Hình 2. Quá trình thiết kế sân khấu trung tâm được mô tả như sau:



Hình 1



Hình 2

Bước 1. Vẽ hình vuông $ABCD$ có độ dài cạnh bằng 2, và lấy trung điểm của bốn cạnh lần lượt là E, F, G, H .

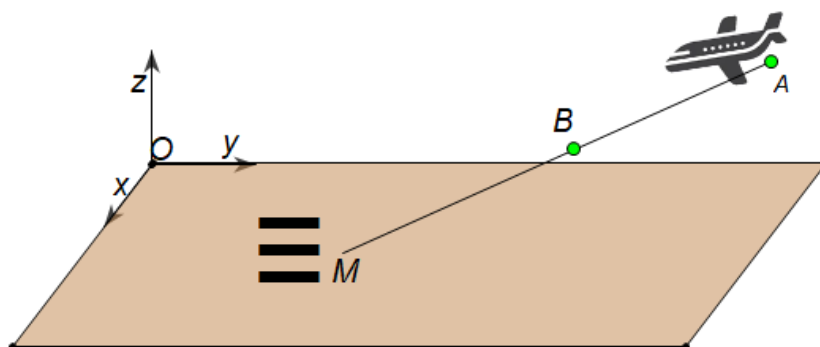
Bước 2. Vẽ đồ thị của các hàm bậc hai đi qua ba điểm B, C, H và hàm bậc hai đi qua ba điểm F, D, A .

Bước 3. Tương tự như Bước 2, vẽ đồ thị của các hàm bậc hai đi qua ba điểm A, B, G và ba điểm C, D, E

Biết rằng: Diện tích phần tô đen trong Hình 2 được cho bởi công thức: $\frac{p\sqrt{2} + q}{3}$

Hãy tính giá trị của $p - 2q$. (Với p, q là các số nguyên.)

Câu 4. Khi gắn hệ tọa độ $Oxyz$ (đơn vị trên mỗi trục tính theo kilômét) vào một sân bay, mặt phẳng (Oxy) trùng với mặt sân bay. Một máy bay bay theo đường thẳng từ vị trí $A(5;0;5)$ đến vị trí $B(10;10;3)$ và hạ cánh tại vị trí $M(a;b;0)$. Giá trị của $a + b$ bằng bao nhiêu (làm tròn đến hàng phần chục)?



Câu 5. Nhiệt độ trung bình của Trái Đất có xu hướng tăng do nồng độ CO_2 trong khí quyển. Giả sử lượng CO_2 trong khí quyển (tính bằng ppm - parts per million) được mô tả bởi phương trình: $C(t) = 200 + 20t - 2t^2$, trong đó t được tính theo năm, $t = 0$ ứng với năm 2025. Mối quan hệ giữa nhiệt độ trung bình của Trái Đất tính $T(t)$ (tính bằng $^{\circ}C$) và nồng độ CO_2 được mô tả bởi phương trình:

$T(t) = \int_0^t kC(x)dx$ với hằng số $k = 0.005$ (mức độ ảnh hưởng của CO_2 lên nhiệt độ). Nếu không có biện

pháp giảm phát thải CO_2 , nhiệt độ trung bình của Trái Đất có thể tăng thêm bao nhiêu $^{\circ}C$ từ năm 2025 đến năm 2040?

Câu 6. Người ta điều tra thấy ở một địa phương nọ có 3% tài xế sử dụng điện thoại di động khi lái xe. Người ta nhận thấy khi tài xế lái xe gây ra tai nạn thì có 21% là do tài xế sử dụng điện thoại. Hỏi việc sử dụng điện thoại di động khi lái xe làm tăng xác suất gây tai nạn lên bao nhiêu lần?

-- Hết --

Họ và tên:

Số báo danh:

Mã đề 1202

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu thí sinh chỉ lựa chọn một phương án.

Câu 1. Cho $\int_1^2 f(x)dx = -3$ và $\int_1^2 g(x)dx = -1$, khi đó $\int_1^2 [f(x) - g(x)]dx$ bằng

- A. 4. B. 2. C. -4. D. -2.

Câu 2. Nguyên hàm của hàm số $f(x) = 3x^2 - \cos x$ là:

- A. $6x - \sin x + C$. B. $3x^3 - \sin x + C$. C. $x^3 - \sin x + C$. D. $x^3 + \sin x + C$.

Câu 3. Trong không gian $Oxyz$, cho mặt phẳng (P) phương trình có $(P): 2x - y + 3z - 4 = 0$. Mặt phẳng nào có phương trình dưới đây song song với mặt phẳng (P)

- A. $4x - 2y + 6z - 8 = 0$. B. $2x - y + 3z + 10 = 0$.
C. $2x + y + 3z - 4 = 0$. D. $x - y + z - 4 = 0$.

Câu 4. Ký hiệu (H) là hình phẳng giới hạn bởi đồ thị hàm số $y = x - x^2$ và $y = 0$. Tính thể tích vật thể tròn xoay được sinh ra bởi hình phẳng (H) khi nó quay quanh trục Ox .

- A. $\frac{\pi}{6}$. B. $\frac{\pi}{30}$. C. $\frac{19\pi}{15}$. D. $\frac{\pi}{15}$.

Câu 5. Tính góc giữa hai đường thẳng $d_1: \frac{x}{1} = \frac{y}{1} = \frac{z}{\sqrt{2}}$ và $d_2: \frac{x}{1} = \frac{y}{1} = \frac{z}{-\sqrt{2}}$.

- A. 45° . B. 60° . C. 30° . D. 90° .

Câu 6. Cho đường thẳng $d: \frac{x-2}{1} = \frac{y-1}{2} = \frac{z}{-1}$. Đường thẳng nào sau đây song song với d ?

- A. $\Delta: \frac{x}{1} = \frac{y}{-2} = \frac{z}{1}$. B. $\Delta: \frac{x}{1} = \frac{y}{2} = \frac{z-1}{-1}$.
C. $\Delta: \frac{x-2}{1} = \frac{y-1}{2} = \frac{z}{-1}$. D. $\Delta: \frac{x-3}{1} = \frac{y-3}{2} = \frac{z+1}{-1}$.

Câu 7. Cho hai biến cố A và B có $P(A) = 0,3; P(B) = 0,6; P(AB) = 0,4$. Xác suất $P(A|B)$ là

- A. $\frac{2}{3}$. B. $\frac{1}{2}$. C. $\frac{1}{3}$. D. $\frac{1}{6}$.

Câu 8. Diện tích S của hình phẳng giới hạn bởi đồ thị hàm số $y = x^3$, trục hoành Ox , các đường thẳng $x = 1, x = 2$ là

- A. $\frac{15}{4}$. B. 4. C. $\frac{7}{4}$. D. $\frac{17}{4}$.

Câu 9. Trong không gian với hệ tọa độ $Oxyz$, Tính góc giữa đường thẳng $d: \begin{cases} x = 2t \\ y = t \\ z = 2 \end{cases}$ và mặt phẳng

$(P): 3x - y - 5 = 0$.

- A. 45° . B. 90° . C. 30° . D. 60° .

Câu 10. Trong không gian $Oxyz$, cho mặt cầu $(S): x^2 + (y-2)^2 + (z+5)^2 = 9$. Tâm của (S) có tọa độ là

- A. $(0; -2; 5)$. B. $(0; 2; -5)$. C. $(1; 2; -5)$. D. $(0; 2; 5)$.

Câu 11. Véc tơ pháp tuyến của mặt phẳng $(P): x - 4y + 2z - 7 = 0$ có tọa độ là

A. $\vec{n} = (1; -4; 2)$.

B. $\vec{n} = (-1; -4; 2)$.

C. $\vec{n} = (1; 4; 2)$.

D. $\vec{n} = (1; -4; -7)$.

Câu 12. Một nhà máy có hai dây chuyền. Dây chuyền I sản xuất 60% sản phẩm, dây chuyền II sản xuất 40%. Tỷ lệ phế phẩm của dây chuyền I là 2%, dây chuyền II là 3%. Chọn ngẫu nhiên 1 sản phẩm, xác suất nó là phế phẩm là:

A. 0,024.

B. 0,026.

C. 0,03

D. 0,025.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Ông An hằng ngày đi làm bằng xe máy hoặc xe buýt. Nếu hôm nay ông đi làm bằng xe buýt thì xác suất để hôm sau ông đi làm bằng xe máy là 0,4. Nếu hôm nay ông đi làm bằng xe máy thì xác suất để hôm sau ông đi làm bằng xe buýt là 0,7. Xét một tuần mà thứ Hai ông An đi làm bằng xe buýt.

Gọi A là biến cố: “Thứ Ba, ông An đi làm bằng xe máy”

và B là biến cố: “Thứ Tư, ông An đi làm bằng xe máy”.

Mệnh đề nào sau đây đúng hay sai?

a) Xác suất để thứ Tư trong tuần đó, ông An đi làm bằng xe máy nếu thứ Hai ông An đi làm bằng xe buýt là 0,36.

b) Xác suất để thứ Ba, ông An đi làm bằng xe buýt là 0,7.

c) Xác suất để thứ Tư, ông An đi làm bằng xe máy nếu thứ Ba, ông An đi làm bằng xe máy là 0,3.

d) Xác suất để thứ Tư, ông An đi làm bằng xe máy nếu thứ Ba ông An đi làm bằng xe buýt 0,4.

Câu 2. Cho parabol $(P): y = x^2$. Xét tính đúng sai của các khẳng định sau:

a) Ta có $\int_0^2 x^2 dx = \frac{10}{3}$.

b) Thể tích của khối tròn xoay sinh ra bởi phép quay quanh trục hoành của hình phẳng giới hạn bởi đồ thị (P) , đường thẳng $y = 0$ và hai đường thẳng $x = 0, x = 1$ bằng $\frac{1}{5}$.

c) Diện tích hình phẳng giới hạn bởi đồ thị (P) , đường thẳng $d: y = 4x - 3$ bằng $\frac{4}{3}$.

d) Cho parabol $(P): y = x^2$ và hai điểm A, B thuộc (P) sao cho $AB = 2$. Diện tích lớn

nhất của hình phẳng giới hạn bởi (P) và đường thẳng AB là $\frac{4}{3}$.

Câu 3. Trong không gian với hệ tọa độ Oxyz (đơn vị trên mỗi trục là mét), một thiết bị phát sóng wifi được đặt ở vị trí $I(1; 0; -3)$ với bán kính phủ sóng là $R = 34\text{m}$.



a) Phương trình mặt cầu mô tả ranh giới bên ngoài vùng phủ sóng của thiết bị phát sóng wifi là: $x^2 + y^2 + z^2 - 2x + 6z - 1215 = 0$.

b) Chiếc điện thoại (có kết nối wifi) được đặt ở điểm $N(17; 18; -27)$ thì không thể nhận được sóng wifi.

c) Nếu người dùng đứng ở vị trí điểm $P(-14;30;7)$ thì quãng đường ngắn nhất mà người đó phải di chuyển để đến được vị trí có thể sử dụng wifi là 1m.

d) Điểm $M(-29;40;-3)$ nằm trong vùng phủ sóng của thiết bị phát sóng wifi.

Câu 4. Trong không gian $Oxyz$, cho đường thẳng $d: \frac{x-1}{2} = \frac{y-2}{3} = \frac{z+1}{2}$ và mặt phẳng $(P): 2x + 2y - z + 1 = 0$.

a) Phương trình đường thẳng d' qua $A(1;2;2)$ và song song với đường thẳng d là

$$\begin{cases} x = 1 + 2t' \\ y = 2 + 3t' \\ z = 2 + 2t' \end{cases}$$

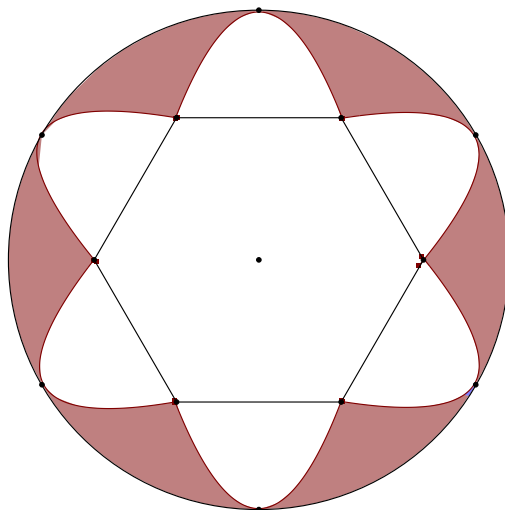
b) Điểm $M(-1;-1;3)$ là giao của đường thẳng d và mặt phẳng (P) .

c) Một véc tơ chỉ phương của đường thẳng d là $\vec{u}_d = (2;3;2)$

d) Đường thẳng d có phương trình tham số là $\begin{cases} x = 1 + 2t \\ y = 2 + 3t \\ z = -1 + 2t \end{cases}$.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

Câu 1. Để trang trí bức tường trong một căn phòng, bạn Hoa vẽ lên tường một hình như sau: Đầu tiên bạn vẽ một hình lục giác đều có cạnh bằng 2dm; sau đó trên mỗi cạnh của hình lục giác đều vẽ một cánh hoa hình parabol đi qua hai điểm đầu mút của cạnh, đỉnh parabol nằm phía ngoài hình lục giác và cách cạnh tương ứng là 3dm; cuối cùng bạn vẽ đường tròn đi qua tất cả các đỉnh của sáu parabol ở trên (tham khảo hình vẽ). Bạn Hoa tô màu phần nằm giữa hình tròn và các cánh hoa (phần tô đậm). Diện tích phần tô màu là bao nhiêu dm^2 ? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).



Câu 2. Có hai chiếc hộp, hộp I có 6 quả bóng màu đỏ và 4 quả bóng màu vàng, hộp II có 7 quả bóng màu đỏ và 3 quả bóng màu vàng, các quả bóng có cùng kích thước và khối lượng. Lấy ngẫu nhiên một quả bóng từ hộp I bỏ vào hộp II. Sau đó, lấy ra ngẫu nhiên một quả bóng từ hộp II. Tính xác suất để quả bóng được lấy ra từ hộp II là quả bóng được chuyển từ hộp I sang, biết rằng quả bóng đó có màu đỏ (làm tròn kết quả đến hàng phần trăm).

Câu 3. Trong không gian với hệ tọa độ $Oxyz$, cho mặt phẳng $(P): 2x + 3y + z - 1 = 0$. Phương trình mặt phẳng (Q) song song với (P) và đi qua điểm $M(-1;-1;4)$ có dạng $ax + by + z + d = 0$. Tính $T = a + b - d$.

Câu 4. Nhiệt độ trung bình của Trái Đất có xu hướng tăng do nồng độ CO_2 trong khí quyển. Giả sử lượng CO_2 trong khí quyển (tính bằng ppm - parts per million) được mô tả bởi phương trình:

$C(t) = 100 + 20t - 2t^2$, trong đó t được tính theo năm, $t = 0$ ứng với năm 2025. Mỗi quan hệ giữa nhiệt độ và năm 1202

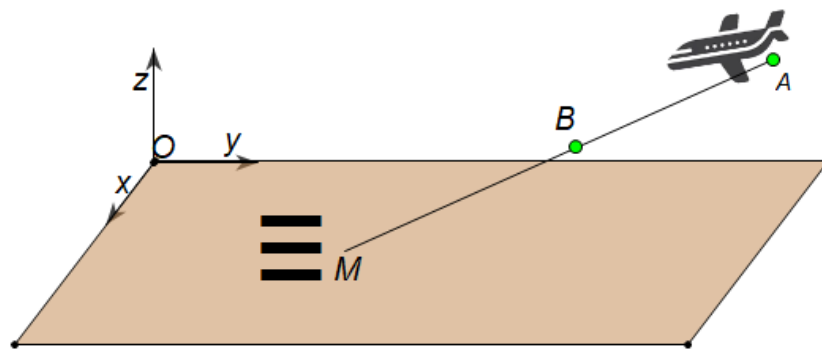
độ trung bình của Trái Đất Tính $T(t)$ (tính bằng $^{\circ}C$) và nồng độ CO_2 được mô tả bởi phương trình:

$$T(t) = \int_0^t kC(x)dx \text{ với hằng số } k = 0.005 \text{ (mức độ ảnh hưởng của } CO_2 \text{ lên nhiệt độ).}$$

Nếu không có biện pháp giảm phát thải CO_2 , nhiệt độ trung bình của Trái Đất có thể tăng thêm bao nhiêu $^{\circ}C$ từ năm 2025 đến năm 2040?

Câu 5. Một lớp học có tỉ lệ học sinh nữ là 60%, trong đó tỉ lệ học sinh nam và học sinh nữ tham gia câu lạc bộ Hip hop của trường lần lượt là 25% và 5%. Chọn ngẫu nhiên một học sinh của lớp có tham gia câu lạc bộ Hip hop, tính xác suất để học sinh đó là nam.

Câu 6. Khi gắn hệ tọa độ $Oxyz$ (đơn vị trên mỗi trục tính theo kilômét) vào một sân bay, mặt phẳng (Oxy) trùng với mặt sân bay. Một máy bay bay theo đường thẳng từ vị trí $A(4;0;6)$ đến vị trí $B(10;10;3)$ và hạ cánh tại vị trí $M(a;b;0)$. Giá trị của $a - 2b$ bằng bao nhiêu?



-- Hết --

Câu\Mã đề	1201	1203	1205	1202	1204	1206
1	C	B	C	D	A	D
2	A	B	C	C	B	A
3	C	D	A	B	A	A
4	C	C	C	B	D	A
5	D	A	A	D	A	B
6	A	A	B	B	B	C
7	B	C	B	A	B	C
8	C	A	B	A	B	D
9	A	B	B	A	A	B
10	D	A	B	B	A	C
11	C	A	B	A	A	A
12	D	B	D	A	C	C
1	SĐĐS	ĐĐSS	ĐSSĐ	ĐSĐĐ	SĐĐS	ĐSSĐ
2	SSĐĐ	ĐSĐS	ĐSSĐ	SSĐĐ	ĐSSS	SSĐS
3	SSĐĐ	SĐĐS	ĐSSĐ	SSĐS	ĐĐĐS	ĐSĐĐ
4	ĐSĐS	ĐSĐS	ĐSĐS	ĐSĐĐ	ĐSĐĐ	ĐĐĐS
1	- 4	22	7	36	7,5	4
2	0,5	42,5	15	0,08	0,77	36
3	22	0,5	- 4	4	0,08	7,5
4	42,5	15	0,5	7,5	36	-24
5	15	7	22	0,77	4	0,77
6	7	- 4	42,5	-24	-24	0,08